

-Dạ, cái này gọi là nút."

Phật lại cột khăn thành một nút khác, rồi một nút khác... tất cả sáu lần, mỗi lần lại hỏi ngài Anan và mỗi lần ngài Anan lại trả lời giống như trên. Lúc ấy Phật mới bảo ngài Anan:

-“Cái khăn hoa báu này, như người biết, vốn dĩ chỉ là một cái khăn, đến khi Ta cột sáu lần thì người gọi là sáu nút. Khăn bản thể nó vốn là một, là đồng, nay người xem, do vì cột lại thành sáu nút mà nó hoá ra khác. Khi mới cột nút đầu tiên, người gọi là nút thứ nhất, cứ thế đến lần cột thứ sáu, người gọi là nút thứ sáu. Nay Ta muốn đổi ngược cách gọi tên, lấy nút thứ sáu làm nút thứ nhất có được không?”

-“Bạch Phật, không thể được: một khi đã tuần tự cột sáu lần, thì cái thứ nhất bao giờ cũng là cái thứ nhất, cái thứ sáu bao giờ cũng là cái thứ sáu, làm sao đảo lộn thứ tự được nữa”

-“Đúng thế. Tuy xét về bản thân, cả sáu nút đều do một cái khăn cột lại mà thành, nhưng khi đã cột rồi thì nút nào ra nút ấy, không thể xáo lộn, đổ đồng coi nút này cũng là nút kia được.

Sáu căn của người cũng hết như vậy, chẳng khác gì. Xét về mặt bản thể rốt ráo, sáu căn là đồng nhau, nhưng xét về mặt hiện tượng sinh thành thì sáu căn lại rất khác nhau.”

Chắc hẳn người muốn chỉ là một thể thay vì mình bị phân làm sáu cái riêng biệt, vậy người phải làm thế nào đây?”

-“Chùng nào còn sáu nút, tức là sáu căn, mỗi cái có đối tượng chú ý riêng của nó, cái nọ không thể lẫn với cái kia, thì chùng ấy vẫn còn nào đây, nào kia, nào khác, nào đúng, nào sai, nào chân, nào giả... cứ thế nhân rộng mãi ra mà thành một thế giới của những bất động sinh diệt, những sai biệt tương phản. Nếu Đức Phật cởi bỏ cả sáu nút đi, khăn hoa trở lại làm một khăn hoa thì lúc ấy còn nút nào nữa để nói đến này, đến nọ, đến kia, đến khác.”

-“Người hãy nhớ kỹ cái nghĩa ấy mà quay trở lại chính mình xem: Từ vô thủy, tám người điên loạn mà vọng phát ra tri kiến và trần tướng. Hiện tượng này tương tự với con mắt mỗi một thành ra nhìn thấy hoa đốm lăng xăng trong hư không. Hoa đốm ấy, trong trường hợp tâm người vọng động ra tri kiến, chính là tất cả những tướng thế gian như núi sông, như đất liền, như sông biển, như chúng sinh, như sống chết, như Niết Bàn... Chúng khơi lên chẳng vì một nguyên nhân khách quan, tự nhiên nào hết, chúng khơi lên chỉ như những hoa đốm của một cái nhìn bị bệnh loạn mà thôi.”

-“Vậy làm thế nào để chữa trị con mắt bị loạn ấy?”

-“Người hãy quay lại việc cởi nút để hình dung cách chữa trị.”

Lúc ấy Phật mới cầm cái khăn, một tay giữ, tay kia kéo về một phía và hỏi:

-“Thế này có cởi được không?”

-“Bạch Phật, thế thì không thể cởi được.”

Phật lại đổi chiều kéo và hỏi và đương nhiên ngài vẫn trả lời là không thể được

-“Vậy, theo người, phải làm thế nào mới cởi được?”

-“Bạch Phật, cứ nơi trung tâm cái nút mà tách thì tự nút sẽ bung ra, sẽ sổ ra.”

-“Đúng thế, với Cái Tâm của người cũng vậy. Cái tâm ấy như Ta đã chỉ dạy, bản tính là chân thường, là thanh tịnh nhưng thiên về nhận thức năng - sở. Các người lại bỏ mất cái tâm tính ấy mà thiên về mình, thiên về hướng ngoại vào cái thế giới của đặc thù hoá, của sai biệt hoá, bởi tính năng đặc thù và sai biệt của sáu căn. Đấy trung tâm của vấn đề cởi nút sáu căn là ở đó.

Tên gọi khác của đặc thù, của sai biệt hoá là Nhân Duyên Sinh. Đúng về mặt thế gian pháp mà nói, nếu các người còn căn cứ vào những cái đặc thù, những cái sai biệt thì các người còn phải chú ý đến sự tương tác lẫn nhau vô định. Ta vì có tính năng lực diệu minh hay trí diệu quan sát, nên không gì trong thế gian này mà không chỉ ra được nhân duyên sinh thành của nó, cho đến giọt mưa ở ngoài hàng sa thế giới cũng biết số lượng, các thứ cây tùng sao lại thẳng, cây gai sao lại cong, chim hạc sao lại trắng, chim quạ sao lại đen. Đúng về mặt xuất thế gian, Ta vì chứng đắc Giác Minh; trí viên thành thực nên thấy và phân biệt giả dối, vạn pháp cho đến nhân duyên cũng đều là huyễn hóa.

Tuy sáu căn có cơ cấu và cơ chế do đó đối tượng khác nhau, nhưng đều vận hành trên cùng một nguyên tắc: sự phân biệt năng - sở. Nếu nơi một căn, bất kỳ căn nào, người hoá giả được sự phân biệt ấy, còn gọi là Chuyển Thức Thành Trí, thì chẳng những cái nút nơi căn ấy, tức là sự vọng tưởng ra trần cảnh này khác với tư cách tướng phân đối lập với căn thân với tư cách kiến phần sẽ tiêu tan, mà các nút nơi những căn còn lại cũng tự bung ra hết. Khi đó thay vì cái thấy vọng những đặc thù, các người sẽ có cái thấy nhất như của trí tuệ Bồ Đề.”

Trở lại cái khăn cột thành sáu nút này, người có thể đồng thời cùng một lúc cởi cả sáu nút không?”

-“Bạch Phật, sáu nút tuy từ cùng một khăn mà cột thành, nhưng khi cột thì theo thứ tự trước sau, nên khi cởi cũng phải lần theo thứ tự, không thể bất chấp thứ tự mà nói đến đồng thời được.”

-“Về sáu căn cũng vậy. Cái nút đầu tiên được cột là Ngã Chấp, cái nút tiếp theo là Pháp Chấp. Người không thể phá trừ pháp chấp để đạt được lý sự Pháp Không nếu người không trước đó diệt trừ ngã chấp để thành tựu lý sự Nhân Không. Cuối cùng ngay cả Nhân Không và Pháp Không cũng không còn, lúc đó gọi là chứng được Vô Sinh Nhãn của bậc Bồ Tát vào tam ma đề”.

II. PHÉP VIÊN THÔNG

[Sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại cho ta một mô tả đầy đủ về Pháp giới, tập hợp những hiện hữu hữu sinh và vô sinh. Tính cực bác tạp, sai biệt giữa các phần tử của pháp giới được nhận biết và khẳng định bởi sáu căn và sáu thức. Hiện thực bất khả kháng này lại bị Đức Phật phủ định hoàn toàn, xem đó là cái nhìn, cái thấy biết mê lầm, điên đảo của chúng sinh. Từ vô thủy, chúng sinh đã dựa vào, đã duyên theo tính bác tạp, sai biệt của thế giới bên ngoài với tư cách Sở mà ứng sử để tối ưu hoá sự tồn tại của mình với tư cách Năng.

Về mặt ứng sử luận, ý đồ tối ưu hoá này tất yếu phải thất bại vì cuộc đời, vì sự sống của họ đã bị điều kiện hoá bởi Khổ Đế.

Về mặt nhận thức luận, cái thấy biết hay tâm phan duyên của họ là nguyên nhân lưu chuyển họ trên vòng luân hồi miên viễn, vì nó vận hành trên nguyên tắc đối đãi năng - sở, trên hai chấp Ngã và Pháp.

Từ đó, con đường giải thoát khỏi sự câu thúc của nghiệp báo hữu lậu hiện hình trên Lục Đạo nhất định phải xuyên qua cảnh giới vô phân biệt, trước hết vô phân biệt giữa sáu căn và sáu trần, giữa kiến phần và tướng phần.

Căn và trần, thay vì đối lập nhau như hai “thực thể” độc lập, cần phải thấy lại tính đồng nhất, đồng thể tức là viên dung, viên mãn, cần phải nhận ra mối liên hệ, liên thông, tức là dung hoà, thông suốt. Hai thuộc tính này của căn và trần, của kiến phần và tướng phần được biểu đạt với khái niệm viên thông.

Phép tu viên thông là phép quán đi tới định hay tam ma đề trên đối tượng hay thiền đề hoặc là căn, hoặc là trần, hoặc là thức, hoặc là đại. Kết quả thành tựu trên sự hoá giải cái mê lầm muôn thuở về tự tính riêng biệt của mỗi pháp riêng biệt mà thể nghiệm tính nhất như, tính diệu chân như, tính viên giác diệu minh, tính Không Như Lai Tạng . . . cùng chung cái tên là pháp giới tính.

Phép tu viên thông thực ra đã được chặn bị trước, về mặt lý thuyết, bởi sự Tóm Thu về Như Lai Tạng, giờ đây sẽ được diễn tả về mặt thực hành trên cơ sở quán tưởng đến mỗi căn, mỗi trần, mỗi thức, mỗi đại tổng cộng là 25 thiên đề bởi những hành giả cụ thể đã từng nhờ công phu tu luyện thiền định mà chứng đắc ngôi Đại Alahán, Đại Bồ Tát.

Trên bình diện hiện thực thế tục, viên thông tương đương với các ý nghĩa đồng đều về mặt cơ hội, bình đẳng về mặt xã hội, dân chủ về mặt chính trị, công bằng về mặt luật pháp.

Chúng tôi không “dịch lại” tất cả 25 báo cáo của 25 vị đã đi vào vô lậu giới, mà chỉ lựa ra hai địa hạt Sắc và Thức, đặc biệt chú ý cái mà chúng tôi quan niệm như một trung gian giữa “cấu tạo hạt” và “trường” hay “sóng”, tức là âm thanh, là nhĩ căn mà vị Bồ Tát đứng ra báo cáo quá trình tu tập của mình trên chủ đề này không phải ai khác ngoài Đại Bồ Tát Quán Thế Âm.]

Sau khi ngài Anan trình bày thu hoạch của mình: ngài đã hiểu ra rằng một khi đã hoá giải được sự phân ly căn - trần nơi một căn thì cũng hóa giải tự động sự phân ly ấy nơi các căn khác, tuy nhiên vẫn chưa rõ làm thế nào chúng nghiệm sự viên thông như một căn tính bản lai nơi ngài và xin Đức Phật dạy cho pháp bí mật trang nghiêm để thành tựu những chỉ bảo cuối cùng của Như Lai, Đức Phật bèn quay về phía các vị Đại Bồ Tát và lậu tận Đại Alahán mà nói:

“Các người là những bậc Bồ Tát và Alahán đã chứng quả vô học, nay Ta hỏi: ban đầu mới phát tâm, trong thập bát giới, sau này ngộ được viên thông ở giới nào và do phương tiện nào mà được tam ma đề?”

1. Viên thông về Sắc

a) Sắc Trần

Ngài Ubanisadà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con đã được thấy Phật ngay lúc mới thành đạo [Thấy Phật là thấy một hữu thể tuyệt vời, giống như cảm nghĩ của Anan, đồng thời con cũng tự nghĩ về bản thân con, đó cũng là một hữu thể, có lẽ còn thực hơn mọi hữu thể khác, mọi sắc trần khác] Con bèn quyết tâm lấy ngay thân mình làm đối tượng quán tưởng, dần dà con nhìn ra cái tướng bất tịnh của nó, bên ngoài là mồ hôi, ghét bẩn, bên trong toàn đồ phế thải ô uế, đến khi chết thì trương phình hôi thối, rồi một thời gian sau trở thành những mảnh xương trắng hếu, không mùi vị, mủn dần, phân rã thành những vi trần, cuối cùng tan về hư không. Thì ra cả hai cái Sắc và cái Không hoàn đối được cho nhau, chuyển hoá được cho nhau. Nói cách khác Sắc và Không đâu như thế nhân tướng là

hai cực biệt lập bất khả thông, đó chẳng qua là những cái tướng mà con người phân biệt ra thành sai khác, sự thực, theo nghĩa tối hậu, Sắc và Không cùng chung một bản thể, cùng chung một nguồn gốc, Không Như Lai Tạng. Vì con đã thực tế chứng nghiệm sự tiêu vong của sắc nơi mọi trần cảnh, cũng là chứng nghiệm được tính Viên Giác Diệu Minh nên đã được Đức Như Lai ấn chứng quả Alahán, thành đạo vô học.

Theo kinh nghiệm bản thân, qua chỗ chứng quả cho con thì nên quán tưởng trên thiên đề Sắc Trần là để thành tựu mục đích tu đạo hơn cả.”

b) Nhõn Căn

Ngài Analaùtđà đứng lên bạch Phật: “Lúc con mới xuất gia, [nghiệp còn nặng nên không mấy ham thích công việc của tăng đoàn, nghĩa vụ của người tu, thế vào đó] con thường thích ngủ, ngày ngủ, đêm ngủ khiến Phật phải quở trách con sống chẳng khác gì loài chúng sinh. Con rất xấu hổ, tự thấy mình quả là thấp hèn mà đau khổ, ray rứt, khóc lóc không thôi, dần dà cả hai mắt đều hư. Phật bèn dạy con tu phép tam muội có tên là Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cương. Con chuyên tâm thực hành phép tam muội này, cuối cùng, kết quả thật đúng với nội dung tên gọi: Con không do mắt mà nhìn rõ như chiếu tia sáng vào mọi nơi, mọi chỗ trong mười phương hư không, không cái gì lọt được ra ngoài cái thấy tinh tường của con, không cái gì con lại không nhìn rõ như người khác nhìn thấy quả trên bàn tay của họ. Nhờ đó, con được Đức Phật ấn chứng thành quả Alahán.

Theo chỗ chứng đắc của con thì cứ xoay cái thấy về bản tính trong thế giới nội tâm của mình là phương pháp tốt nhất.”

c) Nhõn Thức

Ngài Xá Lợi Phất đứng dậy đánh lễ rồi bạch Phật: “Từ nhiều kiếp nay, nhiều lắm, số lần hoá thân. thụ sinh ngang với số cát sông Hằng, con đều chuyên tâm đến khả năng nhìn thấy xuyên suốt thời gian, nhờ đó tất cả các phép biến hoá thế gian và xuất thế gian diễn ra trên dòng nhân quả, con đều sẽ biết, thông suốt mà không hề vướng mắc ở một khâu nào. Một lần, ở giữa đường con gặp anh em ngài Ca diếp ba và được họ truyền lại cho nghe những lời dạy của Phật về pháp nhân duyên: Thì ra những cái nhân, cái quả mà con tự hào là mình đã rõ hết nơi diễn tiến của bất kỳ sự vật nào chẳng qua chỉ là những hiện tượng bày ra từ cái nghiệp thấy biết của chúng sinh - tức nhân, tức quả, còn gọi tên là pháp nhân duyên sinh, thực thể của chúng là không, - phi nhân, phi quả - còn gọi tên là Trung Đạo. Tức và Phi Tức là vấn đề tri kiến, tri kiến là tính thấy của Tâm. Sau đó con liền tìm theo Phật, chuyên tu phép Như Huyền Tam ma để mà thành tựu được tính thấy, viên mãn, sáng suốt của tâm

thể, của trí Bồ Đề mà cùng tốt các tri kiến và được Phật ấn chứng quả Alahán và làm người từ của Phật, trong tăng già được gọi là “trí tuệ đệ nhất.”

Con nghĩ rằng đặt trọng tâm phép quán vào tính thấy của tâm thể là phương pháp tối ưu.

d) Kiến Đại

Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát và 52 vị Bồ Tát đồng tu một pháp môn từ chỗ ngồi cùng đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Trước đây hàng sa kiếp, có Đức Phật Vô Lượng Quan (tức là Adidà) ra đời, cùng kiếp ấy, mười hai Đức Như Lai kế nhau thành Phật. Đức Phật sau hết, hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy con phép Niệm Phật Tam Muội.

Niệm Phật nghĩa là nhớ đến Phật, tưởng đến Phật. Sự tưởng nhớ này diễn ra trong trạng thái tâm thức của phép định tam muội, ở đó sự tưởng nhớ có tính chuyên nhất, tập trung cao độ và thường xuyên liên tục. Kết quả là ngày một, ngày hai nhất định sẽ “tận mắt” nhìn thấy Phật, thấy Đức Phật rất sống động, rất hiện thực, và nhất là mỗi lần mỗi gần với hành giả. Sự tiếp cận này sẽ, một cách khách quan và tất yếu, khiến hành giả cảm ứng được những bức xạ từ Đức Phật toàn giác, toàn năng mà rồi ra từng bước chứng quả Chánh Đẳng Giác, An Lạc Đại Mâu Ni. Bản thân con nhờ phép dùng tâm niệm Phật này mà vào được cảnh giới vô lậu hay pháp vô sinh nhẫn.

Dĩ nhiên, tuyệt đại đa số chúng sinh, vì căn nghiệp nặng nề, tâm trí ngu si, ý chí yếu kém nên tuy nhiều người cũng tu pháp môn niệm Phật, nhưng hoặc không thấy được Phật, hoặc có “mắt thấy” hân hoan nhưng chưa đủ chuẩn bị về mặt tâm thức để thụ nhận những tác động tuyệt vời. Dù sao biết “niệm Phật” hàng ngày như thế cũng là tốt lắm rồi, vì vậy hiện nay con đang phụ trách dẫn dắt họ, khi họ mang chung, vào được cõi nước Tịnh Độ của Đức Vô Lượng Quang, qua con đường Tịnh Độ Tông để họ chẳng những không bị đẩy xuống các cõi địa ngục, súc sinh . . . mà lại còn được định cư ở nơi họ có nhiều cơ hội trưởng dưỡng trí tuệ trong ánh sáng Vô Lượng Quang.

Như vậy, về viên thông, con cho rằng phép niệm Phật trên cơ sở vô hiệu hoá mọi hoạt động của sáu căn là có ưu điểm hơn cả.”

2. Viên Thông về Thức

a) Pháp Trần

[Pháp chỉ mọi hiện hữu, bao hàm sắc như một tập hợp con các phần tử ít nhiều trực quan. Pháp trần là hiện hữu chỉ có trong tâm thức và là kết quả của một quy trình chế biến những thông báo của năm căn đầu là mắt, mũi, tai, lưỡi và thân, sau này được định hình khô cứng trong ngôn ngữ, văn tự . . .]

Ngài Ma ha Ca diếp và Tỷ khưu ni Tử Kim Quang, v. v. . . đứng dậy bạch Phật rằng: “Trong một kiếp rất xa xưa, ngay trên Trái Đất này, có một Đức Phật ra đời, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng. Sau khi Ngài diệt độ, con cùng với phu nhân của con lúc ấy, chính là Tử Kim Quang hiện đây phát tâm thấp đèn sáng, cúng dàng xá lợi, lại lấy vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, trải qua bao cuộc hóa thân, thụ sinh, kiếp nào chúng con cũng siêng tu phép kính Phật niệm Phật này, nhờ đó con được thụ nhận phần nào sự thanh tịnh tuyệt đối của Phật thân mà thân thể chúng con lúc nào cũng sáng ngời như vàng thắm. Rồi sau con lại chuyên tu phép quán các yếu tố cấu thành thế gian, dần dần thấy rõ chúng không hề có tự thể, tự tính gì hết, tiến đến pháp diệt tận định, trong đó con đã vô hiệu hoá được chẳng những tác động của năm trần cụ thể, mà còn tiêu diệt cả cái vô hình, vô tướng khó trừ nhất là pháp trần. Trừ được pháp trần trừ được căn cứ địa của niệm, của tướng có nghĩa là đã thành tựu được Vô Niệm, là nghiệm được chân lý “Pháp Không”. Nhờ đó con thành quả Alahán, lại còn được Đức Thế Tôn chọn làm người Tu hạnh Đầu Đà bậc nhất. Như chỗ con vừa trình bày thì theo con cứ chuyên quán thiền đề pháp trần là hơn cả.”

b) Ý Căn

[Pháp trần còn gọi là Nội Trần hiển thị trong tâm thức dưới hai dạng đơn và kép, dạng kép thường được biết dưới ~~dạng~~ cái tên là “Ý”. Nếu sắc trần là bản thân cái ánh sáng phát ra hay phản xạ từ một vật thể bên ngoài nào đó thì không phải ánh sáng nào của vật thể nào cũng gây hiệu ứng nơi căn mắt. Hiệu ứng chỉ xảy ra khi có tác ý, cho nên ta có thể hiểu sắc trần chính là hiệu ứng đầu tiên trực tiếp phát sinh ở căn mắt và, căn mắt lấy nó làm đối tượng hay trần cảnh. Trên tinh thần này, ta quan niệm nơi ở đó có hiệu ứng do các thông tin của năm căn đầu gây ra ^{bổ} Ý Căn. Hoặc nói ngắn gọn, Ý Căn là nơi chế biến và tàng trữ các Ý.]

Ngài Tu Bồ Đề đứng dậy bạch Phật: “Từ nhiều kiếp đến nay, nhiều như số cát sông Hằng vậy, kể cả những thời lượng còn nằm trong thai mẹ, con vẫn chuyên tu giải thoát môn Không Tam Muội, đi tới làm trống rỗng Ý Căn, do đó thấy rõ mọi sự vật đều không thật có, mười phương đều thành rỗng không tự giải thoát được ra khỏi ngã chấp và pháp chấp. Sau này được Đức Như Lai chỉ dạy tính Không đó chính là tính Giác, giác các tướng đều là giả dối, là phi tướng; đồng thời tính giác ấy cũng là chân không, đã chân không thì cả năng phi, tức là chủ thể giác được ~~pháp~~ ^{pháp}, cả sở phi... tức là khách thể nơi vạn pháp không còn tướng nào nữa, cả hai đều hết, rút cục xoay các pháp về chỗ không có gì. Nhờ thành tựu của phép quán Không đến chỗ rốt ráo ấy, con chứng quả Alahán, vào được Bảo Minh Không Hải của Chư Như Lai, tri kiến

đồng như Phật. Theo con, phép quán Không, trước hết “Không” cái ý căn là phép tu viên thông có ưu điểm tối thắng.

c) Ý Thức

Ngài Đại Mục Kiền Liên, đứng lên đánh lễ nơi chân Phật mà bạch rằng: “Trước đây, một lần đang đi khuất thực giữa đường, con gặp ba anh em họ Ca Diếp Ba là các ông Ưu lâu tần lao, Già gia và Na đề, giảng cho nghe lý nhân duyên sâu xa của Như Lai, nhờ đó con được thông suốt cơ chế vận hành nhân quả của mọi hiện tượng, mặt khác do yếu tố duyên có tính bất định tham gia vào cơ chế mà con ngộ được nghĩa lý “nhân duyên giả hợp”, “nhân duyên như huyễn”. Kết quả con đã thành tựu được những phép thuật thần thông, được quần chúng suy tôn là bậc thần thông đệ nhất; đồng thời vẫn chứng đắc tính chân như của vạn pháp. Vì chứng được Diệu Chân Như Tính con thành quả Alahán. Nay con nghĩ rằng vì ý thức, là khả năng phát hiện nhân duyên nơi sự việc thành hoại nên phép quán ý thức đi tới liên thông vạn pháp qua tính chân như của nó là tốt hơn cả.”

d) Thức Đại

Ngài Di Lặc Bồ Tát liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Trước đây rất xa xưa, cách khoảng vì trần số kiếp, có Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con liền xuất gia theo Ngài. Nhưng vốn dĩ là người trí thức thế gian, con có cái xấu ngàn đời của trí thức là còn trọng cái hư danh của học vị, khoa bảng, và ưa giao du chỗ học phiệt, vọng tộc. Lúc ấy Đức Thế Tôn đã dạy con phải chuyên tu phép định Duy Tâm Thức mà vào tam ma đề. Trải qua nhiều kiếp đến nay, con nhờ hiệu ứng của phép tam ma đề Duy Tâm Thức mà tuyệt diệt cái tâm cầu hư danh thế gian. Đây là kết quả tất yếu, nhất là sau này, vào lúc Đức Phật Nhiên Đăng ra đời, con thành tựu được tam muội Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm, nhìn rõ vạn pháp, vũ trụ, dù uế, dù tịnh, dù chính, dù tà, dù sắc, dù không, tất cả đều do Tâm biến hóa ra cả. Hiện tượng này gọi là Thức. Chính nơi Thức Tính ấy của Tâm mà vô lượng chư Như Lai xuất hiện. Hiện nay con đã được Phật thụ ký để bổ xứ thành Phật chính ở cõi nước này khi mà điều kiện và trình độ trí tuệ của chúng sinh nơi đây đã chín muồi. Nói cụ thể khi chúng sinh biết đường xa rời nếp tư duy biến kế chấp, khư khư ôm giữ nhị nguyên đối đãi, bắt đầu xa rời nếp tư duy y tha khởi còn thiên về hiện thực tương tác của hữu thể, để tiếp cận với tư duy viên thành thực thống nhất vạn pháp trong Thức, trong Pháp Giới. Triển vọng, tương lai của chúng sinh cõi này là như vậy, và theo con, sẽ được hiện thực hoá nhanh nhất bằng quán trên thiên đề là Thức, là Thức Đại.

3. Viên Thông về Thanh Âm

a) Thanh Trần

Ngài Kiên Trần Na, trong số 5 vị Tỷ Khuru làm đệ tử đầu tiên, cũng là người đầu tiên, sau khi Phật chỉ định báo cáo quá trình tu tập đến chứng đắc quả vô học, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ mà bạch Phật rằng: “Hồi ấy, ở Lộc Uyển và ở Kê Viên, chúng con đã được chứng kiến và tham dự buổi thuyết pháp ngay sau khi Đức Như Lai vừa mới thành Đạo. Bài giảng cơ bản ấy, bài Tứ Thành Đế ấy, chúng con hiểu ngộ rất rõ, và được Phật ấn chứng cho cái tên A nhã da, nghĩa là “Hiểu”. Con đã hiểu ra Khổ Đế như thuộc tính bản chất của sự sống, Tập đế như cơ chế hình thành của nó, Đạo Đế như phương pháp diệt trừ nó, Diệt Đế như cứu cánh của sự sống có ý nghĩa rõ ràng nhất. Nói cho cùng, sở dĩ con hiểu được thấu đáo để rồi ra được chứng quả Alahán, cũng là do con đã nghe lời Phật nói, nghe âm thanh không chỉ bằng cái tai mà bằng cả cái tâm tập trung quán tưởng đến nguồn gốc tối hậu của âm thanh. Với tư cách là hội duyên của một số điều kiện hay yếu tố nhất định thế này hay thế kia, âm thanh cũng chỉ là một hiện tượng huyễn hoá, không có tự tính, tự thể gì hết như bóng trăng đáy nước, như điện loáng trên trời ... Âm thanh chỉ là sự biến hiện, hay vọng động, hay Diệu tính của Chân Như. Nói cách khác con đã quy được Âm thanh về nguồn gốc sinh thành của nó là cái Không, cái Như. Nói rộng ra, con đã viên thông được cả vũ trụ sau khi viên thông được thanh trần, vì lẽ này con cho rằng âm thanh là con đường dễ đi nhất để tới chỗ Viên Thông.

b) Nhĩ Thức

Ngài Phổ Hiền Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch rằng: “Con đã từng làm Pháp vương tử cho các Đức Như Lai nhiều lần như số cát sông Hằng, trở thành một mẫu mực về căn cơ Bồ tát hạnh nên chư thập phương Như Lai lấy tên hiệu Phổ Hiền của con để dạy hạnh Bồ Tát cho các đệ tử. Bạch Thế Tôn, sở dĩ được như vậy vì con đã biết dùng tính nghe, nói như thế cho chúng sinh dễ hiểu chứ tính nào cũng giống tính nào, đều là diệu dụng của tâm thể Bồ Đề, để biết rõ các xu hướng thiện hạnh của tất cả chúng sinh; cho dù ở phương nào đó, cách đây xa ngoài số cát sông Hằng các thế giới, nếu như có một sinh thể trong tâm phát ra một hạnh nguyện Phổ Hiền, thì liền ngay lúc đó, Phổ Hiền con sẽ xuất hiện tại chỗ, ~~phổ hiện tại chỗ~~.”

trên mình voi sáu ngà, phân thân thành trăm nghìn tác nhân hỗ trợ cho sinh thể ấy hiện thực hoá được hạnh nguyện của mình. Dầu cho sinh thể ấy, do nghiệp chướng còn quá sâu dày, chưa thể trực tiếp thấy được con qua những phương tiện tri giác bị điều kiện hoá bởi quốc độ, con vẫn gia trì cho sự nghiệp hành Bồ tát đạo bằng cách thâm kín xoa đỉnh đầu để xúc tiến triển vọng thành tựu thiện hạnh của họ. Như vậy là chỉ qua một phương diện điều dụng là tính nghe của tâm thể Bồ Đề Niết Bàn, con đã có thể phân biệt được một cách rất tự nhiên nhi nhien mọi xáo động hướng thiện của bất kể chúng sinh nào và tức thời có mặt tại chỗ để hộ niệm. Nói cách khác, con đã đồng thể hoá hay viên thông được tâm thức của mình với mọi tâm thức khác trong vũ trụ thông qua tính nghe, thông qua khả năng biết bằng cộng hưởng âm thanh mà có được những biện pháp thích hợp và hữu hiệu nhất cho sự nghiệp tu Bồ tát hạnh, hành Bồ tát đạo, của muôn loài chúng sinh trong muôn kiểu thế giới, như vậy đó chẳng là phương pháp tối ưu sao!”

(Vì Kiến Đại hay Nhĩ Thức cũng đều quy về một từ “Biết” nên xét kỹ, phép tu viên thông của hai ngài Bồ tát quá vĩ đại, quá nổi tiếng là Thế Chí và Phổ Hiền rất gần nhau, có điều là đối tượng của hai ngài đó hơi khác nhau một tí: ngài Thế Chí chuyên trách dẫn dắt chúng sinh vốn đã có đức tin ở Phật biết đường mà đi vào cõi Tịnh Độ thay vì, do ngu si, cứ nhằm hướng địa ngục, ngạ quỷ mà tiến tới sau khi chết, ngài Phổ Hiền lo hỗ trợ cho chúng sinh vốn đã sẵn thiện căn có điều kiện để hiện thực hoá thay vì phàn nàn theo kiểu dãi bôi “hữu hàng tâm, vô hàng sản”, “lực chẳng tòng tâm”, v.v... . Còn lại một bộ phận chúng sinh, chiếm tỷ lệ áp đảo, chẳng những đã không tin Phật, không niệm Phật, mà thiện căn ít ỏi đến mức cả đời không hề một lần phát nguyện Bồ đề, đôi khi có làm một vài việc thiện nguyện nào đó thì chẳng qua cũng vì bị người khác thúc ép tận nhà, hoặc quyền góp, hoặc phỉnh phờ, hoặc dọa nạt, hoặc chọc khích,... Ngoài ra dù thuộc bộ phận chúng sinh nào, nói chung khi đã bị điều kiện hoá bởi Khổ Đế, không mấy ai tránh khỏi những lúc nguy nan, hiểm nạn, tai ương, ác hoạ,... cũng không mấy ai dám vỗ ngực thách thức những cảnh ngộ đó, biện pháp hầu như duy nhất chỉ còn biết kêu Trời, kêu Phật.

Trong số những sức mạnh siêu nhiên này, ngài Đại Bồ tát Quán Thế Âm nổi lên như một uy tín vĩ đại về khả năng nhạy cảm cực siêu, ngài nghe được hết mọi lời cầu cứu, và đủ quyền năng đáp ứng mọi tình thế, do đó không lạ gì, ngài có một vị trí hết sức đặc thù trong quảng đại quần chúng khu vực mà Phật giáo ít nhiều có ưu thế. Hơn nữa, thay vì Thức Đại quá trí tuệ của ngài Di Lặc, Nhĩ Thức quá trừu tượng của ngài Phổ Hiền, Kiến Đại còn xa vời của ngài Thế Chí-“mọi người sống như thể chẳng bao giờ chết!”-, Âm thanh mà ngài Quán Thế Âm chuyên chú chỉ quán, là một hiện thực trung gian, không